

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 17-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang

Bà Trần Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thái T, sinh năm 1999 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thái T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám cưới vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, giận dỗi, cha mẹ hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc H sinh ngày 13/4/2016. Từ khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp nuôi con. Thời gian đầu chị và con sống ở

nhà cha mẹ chị khoảng 3-4 tháng rồi đưa con cùng lên Bình Dương. Thời gian chị đi làm thì cháu H ở nhà trọ với cô của chị, đến khi cháu đủ tuổi học mẫu giáo thì chị cho cháu học tại trường của Công ty. Đến khi có đợt dịch Covid đầu tiên thì chị gửi cháu H cho mẹ chị nuôi dưỡng do trường không nhận giữ trẻ. Khoảng tháng 4/2021, anh N đến nhà cha mẹ ruột chị và đưa cháu H đi, đến nay chị không liên lạc được. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì con chị là con gái, còn rất nhỏ nên cần được sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay chị làm công nhân của Công ty Cổ phần may mặc Bình Dương, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút, buổi trưa được nghỉ 01 tiếng, về chỗ ở thì ở trọ chung với em trai. Chi phí nhà trọ, điện nước mỗi tháng 1.200.000 đồng. Lương cơ bản hàng tháng 7.000.000 đồng, ngoài ra không có thu nhập khác.

Bị đơn anh Lê Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị T về việc anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 13/4/2016. Từ khi vợ chồng ly thân chị T đưa con đi nhưng sau đó lại giao cho bà ngoại nuôi dưỡng. Do chị T không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay anh có nhà riêng, làm nghề sửa điện tử, bán đồ điện tử, làm ruộng và làm ruộng trên phần đất có diện tích 02 công tằm lớn của mẹ cho, ngoài ra anh còn làm Chi hội trưởng Hội chữ thập đỏ ấp. Thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đến 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thái T và anh Lê Hoàng N là vợ chồng, giao cháu Lê Ngọc H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu cấp nên không xem xét, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thái T và anh Lê Hoàng N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015. Tuy chị T và anh N xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình chung sống đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 13/4/2016. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh N và chị T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. So sánh điều kiện nuôi con của chị T và anh N cho thấy anh N có điều kiện nuôi dưỡng cháu H hơn như về điều kiện kinh tế, chỗ ở, thời gian trực tiếp chăm sóc, đồng thời hiện nay cháu H cũng đang được anh N nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 16, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thái T và anh Lê Hoàng N là vợ chồng.
- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 13/4/2016 và cho

anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thái T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006254 ngày 22/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý